

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 04/2019/KDTM-GĐT

Ngày 26-4-2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Thanh Liêm;

Các Thẩm phán: ông Lê Phước Thanh và ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hồng Nhạn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Hồ Thị H; trú tại: nhà số 88 đường Nguyễn A, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* bà Trương Thị K và ông Phan Văn N; trú tại: tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2014, nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày: Ngày 17/6/2013, Bà với vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trương Thị K ký kết “*Hợp đồng mua bán sản lát*” số 01/HĐMB-2013 có nội dung vợ chồng bà K sẽ bán cho Bà 200 tấn sản lát với giá 2.800 đồng/kg, thành tiền là 560.000.000 đồng, thời gian giao hàng là từ ngày 10/12/2013 (AL) đến ngày 10/01/2014 (AL). Ngày 16/7/2013, vợ chồng bà K đã nhận đủ 560.000.000 đồng nhưng đến hạn thì không có sản lát để giao và cũng không trả lại tiền cho Bà. Do đó, Bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà K thanh toán cho Bà giá trị của 200 tấn sản lát với đơn giá hiện tại là 4.000 đồng/kg thành tiền là 800.000.000 đồng và phạt vi phạm hợp đồng 8% là 64.000.000 đồng, tổng cộng là 864.000.000 đồng.

- Tại Bản tự khai không đề ngày, ông N, bà K thống nhất với yêu cầu của bà H nhưng hiện không có khả năng trả nợ nên đồng ý cản trừ nợ bằng cách bà H trả nợ Ngân hàng thay vợ chồng Ông, Bà để giải chấp các tài sản mà Ông, Bà đã thế chấp vay Ngân hàng, sau đó tiến hành chuyển nhượng cho bà H.

- Tại phiên hòa giải ngày 18/3/2014, bà H và bà K , ông N hòa giải được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án ban hành Biên bản hòa giải thành. Hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến, Tòa án nhân dân huyện I ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2014/QĐST-KDTM ngày 26/3/2014 có nội dung:

+ Về số tiền thanh toán: ông Phan Văn N và bà Trương Thị K phải thanh toán cho bà Hồ Thị H số tiền 864.000.000 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

+ Về thời hạn và phương thức thanh toán;

Ông Phan Văn N và bà Trương Thị K phải thanh toán toàn bộ số nợ trên bằng việc chuyển quyền sở hữu và quyền sử dụng các tài sản của mình cho bà Hồ Thị H như sau:

Tài sản và quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 517828, BD 372235, BE 765674 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp, đứng tên ông N , bà K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 459047 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp đứng tên ông N , bà K .

Đối với các tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất nói trên mà chưa được chứng nhận quyền sở hữu cũng thuộc về tài sản mà ông N và bà K chuyển quyền sở hữu cho bà H để thanh toán nợ.

Giá trị của các tài sản nêu trên bằng số tiền mà ông N và bà K nợ bà H cộng với số nợ mà ông N và bà K đang thế chấp các tài sản trên để vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Gia Lai (SHB Gia Lai).

Bà H sẽ trả toàn bộ nợ gốc và lãi của khoản vay mà ông N và bà K đang thế chấp các tài sản trên để vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Gia Lai (SHB Gia Lai) thay cho ông N và bà K để SHB Gia Lai giải chấp tài sản thế chấp, để Ngân hàng trả lại các giấy tờ về tài sản cho ông N và bà K . Sau khi nhận lại giấy tờ về tài sản, ông N và bà K phải giao ngay các giấy tờ này cho bà H và ký các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định cho bà H .

Trong trường hợp ông N và bà K không giao ngay các giấy tờ về tài sản cho bà H và ký các thủ tục liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định cho bà H thì bà H có quyền tự mình liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất đối với các tài sản theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BA 517828, BD 372235, BE 765674 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp, đứng tên ông N , bà K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 459047 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp đứng tên ông N , bà K .

Ngoài ra Quyết định còn công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về án phí.

- Ngày 17/11/2014, bà Lê Thị Kim C có đơn tố cáo lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện I có dấu hiệu tiêu cực và đề nghị làm rõ lý do vì sao Bà khởi kiện bà K yêu cầu thanh toán số tiền mua bán cà phê được Tòa án nhân dân huyện I thụ lý trước (sau đó tạm đình chỉ để ủy thác thu thập lời khai của bà K vì bà K xin tạm vắng ở nơi cư trú đi chữa bệnh ở thành

phố Hồ Chí Minh); còn bà H khởi kiện vợ chồng ông N , bà K sau khi Bà khởi kiện nhưng bà K lại có mặt tại nơi cư trú và được Tòa án tổ chức hòa giải trước, giải quyết xong trước vụ án của Bà; toàn bộ tài sản của ông N , bà K thỏa thuận giao hết cho bà H nên đến khi giải quyết vụ án của Bà thì ông N , bà K không còn tài sản gì để thi hành án cho Bà. Việc làm của Tòa án nhân dân huyện I là không đúng pháp luật. Bà yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phải xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của Bà.

- Ngày 03/10/2017, bà C tiếp tục có Đơn đề nghị xem xét lại Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 02/2014/QĐST-KDTM ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Tại Quyết định số 01/2019/KN-KDTM ngày 05/3/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy một phần Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên về phần thời hạn và phương thức thanh toán, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai giải quyết lại phần bị hủy theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhưng cần phải hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên thì mới giải quyết được toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về thời hạn khiếu nại giám đốc thẩm:

- Đơn tố cáo đề ngày 17/11/2014 của bà Lê Thị Kim C ngoài nội dung yêu cầu xem xét hành vi vi phạm pháp luật của lãnh đạo và một số Thẩm phán của Tòa án nhân dân huyện I, bà C còn cho rằng lợi ích của Bà bị xâm phạm từ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2014/QĐST-KDTM ngày 26/3/2014 giữa bà H với vợ chồng bà K , ông N vì bà K , ông N không còn tài sản nào khác để thi hành án; đề nghị các cơ quan chức năng can thiệp để bảo vệ quyền lợi của Bà. Như vậy, đơn của bà C có cả nội dung khiếu nại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2014/QĐST-KDTM ngày 26/3/2014 nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật nên nội dung không cụ thể; lẽ ra trong trường hợp này Tòa án cần hướng dẫn bà C làm đơn khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm để phù hợp với yêu cầu của Bà nhưng các cơ quan có thẩm quyền lại trả lời bà C đơn tố cáo không có căn cứ là thiếu sót. Do đó, đơn tố cáo của bà C được xem là đơn khiếu nại lần đầu nhưng chưa được giải quyết.

- Đến ngày 03/10/2017, bà C tiếp tục có đơn đề nghị xem xét lại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2014/QĐST-KDTM ngày 26/3/2014 nên thuộc trường hợp đương sự đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được giải quyết và sau khi hết thời hạn kháng nghị (03 năm) đương sự vẫn tiếp tục có đơn đề nghị nên thời hạn kháng nghị được kéo dài thêm 02 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 334 Bộ luật tố

tụng dân sự. Do đó, đơn khiếu nại của bà C vẫn còn trong thời hạn xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

[2.] Về nội dung:

- Ngày 25/11/2013, bà Lê Thị Kim C khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị K thanh toán cho Bà 124.000.000 đồng tiền nợ mua cà phê. Ngày 28/11/2013, Tòa án thụ lý vụ án. Tại bản tự khai không đề ngày, bà K thừa nhận còn nợ bà C 124.000.000 đồng và cam kết thanh toán vào tháng 8/2014. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 26/02/2014, ông Trương Quang Đ – Công an viên thị trấn I, huyện I xác nhận bà K có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 7, thị trấn Ea Kha nhưng ngày 14/01/2014, bà K đã xin tạm vắng để đi chữa bệnh ở thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 06 tháng, địa chỉ cư trú mới là số 250/47 X, phường S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ngày 04/3/2014, Tòa án nhân dân huyện I ra Quyết định số 02/2014/QĐ-UT về việc ủy thác thu thập chứng cứ, đề nghị Tòa án nhân dân quận B lấy lời khai bà K đồng thời ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2014/QĐST-KDTM ngày 04/3/2014 với lý do đợi kết quả ủy thác thu thập chứng cứ. Đến ngày 13/6/2014, tại phiên hòa giải, bà C và bà K hòa giải được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên ngày 23/6/2014, Tòa án nhân dân huyện I ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2014/QĐST-KDTM có nội dung:

+ *Về số tiền phải thanh toán: bà Trương Thị K còn nợ bà Lê Thị Kim C số tiền gốc là 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng) từ việc mua bán cà phê.*

+ *Về thời hạn và phương thức thanh toán: bà Trương Thị K sẽ trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng) trong thời hạn 02 (hai) tháng tính từ ngày 13/6/2014.*

Như vậy, ngày 28/11/2013, Tòa án nhân dân huyện I thụ lý vụ án bà C kiện bà K , nhưng qua xác minh thì bà K xin tạm vắng tại nơi cư trú để đi chữa bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh nên đã ủy thác cho Tòa án nhân dân quận B lấy lời khai bà K và ngày 04/3/2014 ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả ủy thác. Trong khi đó, ngày 24/02/2014, Tòa án nhân dân huyện I thụ lý vụ án bà H kiện vợ chồng ông N , bà K thì ông N , bà K lại có Bản tự khai (không đề ngày) gửi Tòa án và ngày 18/3/2014, vợ chồng ông N , bà K và bà H lại cùng nhau đến Tòa án để yêu cầu hòa giải là có sự mâu thuẫn.

- Sau khi Tòa án giải quyết vụ án bà H kiện vợ chồng ông N , bà K và công nhận sự thỏa thuận giữa các bên thì ngày 13/6/2014, bà C với bà K cũng thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Trên cơ sở thỏa thuận này, Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên có nội dung bà K đồng ý trả cho bà C số tiền 124.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày 13/6/2014. Tuy nhiên, sau đó bà K không trả nợ cũng như không có khả năng thi hành án cho bà C vì không còn tài sản nào khác.

Như vậy, hai vụ án nêu trên cùng bị đơn, cùng một Tòa án giải quyết nhưng vụ án của bà C thụ lý trước thì Tòa án lại ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án (vì bà K không có ở nơi cư trú cần ủy thác thu thập chứng cứ); vụ án của bà H thụ lý sau thì lại giải

quyết trước và công nhận sự thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất của vợ chồng ông N , bà K cho bà H . Hậu quả của việc này làm cho vụ án của bà C khi được giải quyết thì không có tài sản để thi hành làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C, không đảm bảo nguyên tắc “*lẽ công bằng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Bộ luật dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 và Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2014/QĐST-KDTM ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND huyện I, tỉnh Gia Lai (kèm hồ sơ vụ án để giải quyết lại) ;
- Chánh án TANDCC tại Đà Nẵng;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện I, tỉnh Gia Lai ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP (VP), Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và HS vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm